

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**



Phayvanh PHANTHACHITH

**NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH
Ở HUYỆN VẮNG VIÊNG, TỈNH VIÊNG CHĂN, LÀO**

Chuyên ngành: Khoa học môi trường

Mã số: 9440301.01

**DỰ THẢO
TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

HÀ NỘI - 2020

Công trình được hoàn thành tại:

**Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
- Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. TRẦN VĂN THỤY
TS. PHẠM THỊ THU HÀ**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án họp tại: Trường
Đại học Khoa học Tự nhiên; Đại học Quốc gia Hà Nội
vào lúc.....giờ.....phút,.....ngày.....tháng.....năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN;
- Trung tâm thông tin - Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử nhân loại, du lịch được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay, du lịch đã trở thành một trong những hoạt động kinh tế “lớn nhất” toàn cầu và trở thành một ngành công nghiệp “không khói” với xu hướng phát triển chung là bùng nổ du lịch sinh thái, du lịch thiên nhiên, du lịch biển và du lịch văn hóa, trong đó du lịch văn hóa và du lịch thiên nhiên vẫn là hai trong số những loại hình du lịch chính thu hút các dòng du khách trên thế giới. Con người ngày càng gắn kết với thiên nhiên, có trách nhiệm xã hội và với cộng đồng, nên du lịch còn được xem là chỉ số đánh giá trình độ dân trí và văn minh của mỗi quốc gia. Đồng thời du lịch văn hóa, du lịch thiên nhiên còn là phương thức để phát huy và giữ gìn bản sắc ở mỗi quốc gia trên thế giới.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (gọi tắt là Lào) là quốc gia đất liền nằm trên độ cao trung bình khoảng 200 m so với mực nước biển với 80% là núi, đồi và là quốc gia duy nhất trong ASEAN không có biển. Đây là đất nước “Triệu Voi” có lịch sử văn hóa miền núi gắn với chùa chiền, miếu mạo và các lễ hội đặc sắc. Thiên nhiên và con người đã tạo cho nước Lào trở thành một quốc gia đậm đà bản sắc dân tộc trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Vì thế, phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch thiên nhiên là những hướng ưu tiên của chính phủ và có một số sáng kiến/dự án đang triển khai theo hướng này [105]. Huyện Văng Viêng, nằm ở tỉnh Viêng Chăn cách thủ đô khoảng 156 km, có diện tích 167.928 ha, trong đó một nửa huyện là miền núi và có đến 134.795 ha là nơi đến của hầu hết các du khách trong nước và ngoài nước. Văng Viêng nằm bên một trong những con sông Song, lớn nhất trong tỉnh và chảy qua lãnh thổ tỉnh Viêng Chăn trên chiều dài khoảng 1.350 km [100]. Dân số Văng Viêng khoảng 58.807 người, bao gồm 04 dân tộc người chính là: Lào Lum, Kha Mu, H'Mông, dân tộc E Miến và một số ít khác là người nước ngoài. Chính xác trong số này có 38.166 người Lào Lum (chiếm 64,90%), 9.598 người Khamu (chiếm 16,32%), 9.234 người H'Mông

(chiếm 15,70%), E miến 1.414 người (chiếm 2,40%) và 395 người người nước ngoài (chiếm 0,67%) [99]. Ở huyện Văng Viêng là nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp, các di tích văn hóa và lịch sử nổi tiếng lâu đời nay, các lễ hội riêng biệt hàng năm thu hút sự tham gia của nhiều người dân địa phương. Cảnh đẹp nơi đây phong phú có dòng sông Song lớn nhất chảy qua huyện từ Bắc vào Nam, với những ngọn núi và hang động tự nhiên, khí hậu mát mẻ tạo ấn tượng, sức hấp dẫn cho khách du lịch cả trong và ngoài nước. Nhờ những đổi thay tích cực của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế, du khách đến Lào nói chung và đến Văng Viêng nói riêng tăng hàng năm [98].

Quá trình phát triển du lịch thiên nhiên và du lịch văn hóa tại Văng Viêng gắn với các lễ hội bước đầu tuy đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ, nhưng cũng phải đối mặt với các thách thức về môi trường. Trong khi đó chính du lịch văn hóa lại chịu các tác động xấu từ bên ngoài, đôi khi ảnh hưởng tới bản sắc văn hóa dân tộc, đến cơ sở hạ tầng du lịch văn hóa, đến không gian du lịch thiên nhiên và văn hóa, đến vệ sinh môi trường các địa điểm du lịch văn hóa, thiên nhiên [1]. Các vấn đề môi trường nảy sinh từ hoạt động du lịch như rác thải, vệ sinh môi trường, tiếng ồn, các dịch vụ phi văn hóa, đòi truy, xâm hại di tích, trật tự trị an..., rõ ràng là những thách thức lớn. Nguyên nhân có nhiều: do thiếu quy hoạch không gian du lịch văn hóa, do lấn chiếm trái phép của các công trình dân sinh xung quanh các địa điểm du lịch văn hóa và thiên nhiên, do việc du nhập các hình thức lễ hội phi truyền thống làm biến dạng đi phần nào bản sắc lễ hội của dân tộc Lào, Trước những thách thức như vậy, câu hỏi đặt ra là cần phát triển du lịch như thế nào để có thể quản lý tốt các giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch; có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn và đảm bảo sự đóng góp cho công tác bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa trong công tác bảo vệ môi trường để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai, và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương.

Từ thực tế đó, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường quản lý môi trường trong hoạt động du lịch thiên nhiên, văn hóa ở Văng Viêng, góp phần giảm thiểu các tác động môi trường tiêu cực, hướng tới phát triển du lịch bền vững, góp phần tôn tạo và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Lào ở tỉnh Viêng Chăn. Với những lý do trên đề tài **“*Nghiên cứu quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào*”** đã được thực hiện với hy vọng đưa ra những giải pháp thiết thực hướng tới việc phát triển du lịch tại đất nước Lào trong quá trình hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề tài là đánh giá thực trạng quản lý môi trường trong phát triển du lịch tại huyện Văng Viêng, làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý môi trường gắn với phát triển du lịch bền vững tại huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, nước CHDCND Lào.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá được thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch tại Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn
- Đánh giá các vấn đề môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.
- Đánh giá công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.
- Đề xuất được các giải pháp quản lý môi trường phục vụ phát triển bền vững đối với hoạt động du lịch tại Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.

3. Nội dung nghiên cứu

- Phân tích tổng quan các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch, công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.
- Đánh giá tiềm năng tài nguyên du lịch và hiện trạng phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.
- Xác định, phân tích các vấn đề môi trường nảy sinh từ hoạt động du lịch tại các điểm du lịch huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.

- Đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với các sản phẩm du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.

- Đánh giá các bên liên quan trong hoạt động du lịch và công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn

- Đề xuất giải pháp quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài này có thể được ứng dụng rộng rãi cho các đối tượng liên quan như:

- Giúp các cơ quan quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng xác định rõ hiện trạng nguyên nhân các vấn đề môi trường, nguyên nhân gây ra các vấn đề, từ đó lên kế hoạch phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại.

- Giúp ban quản lý các khu du lịch, điểm du lịch, hiểu rõ tác động của môi trường đến sự phát triển du lịch bền vững tại huyện Văng Viêng, từ đó có định hướng và giải pháp bảo vệ môi trường tốt hơn tại các điểm du lịch và khu du lịch.

- Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng là tài liệu tham khảo tin cậy cho sinh viên, giảng viên và những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý môi trường và phát triển du lịch bền vững tại các trường đại học trên địa bàn nghiên cứu và trong cả nước.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện Văng Viêng, CHDCND Lào giai đoạn từ 2010 đến 2019, làm rõ những điểm tích cực, hạn chế và nguyên nhân, góp phần hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý môi trường trong phát triển du lịch.

- Đề xuất được những giải pháp cơ bản, có khả năng áp dụng trong thực tiễn, góp phần hoàn thiện công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững trên địa bàn huyện Văng Viêng trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận về du lịch, môi trường và quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững

1.1.1. Khái niệm về du lịch, môi trường và quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững

1.1.2. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển du lịch

1.1.3. Phát triển du lịch bền vững

1.1.4. Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

1.1.5. Quản lý và bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch bền vững

1.2. Tình hình nghiên cứu và bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch bền vững trên thế giới và ở Lào

1.2.1. Trên thế giới

1.2.2. Ở Lào

1.3. Tổng quan khu vực nghiên cứu

1.3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội

1.3.2. Các loại hình và hoạt động du lịch tại Văng Viêng

1.3.3. Hiện trạng phát triển hoạt động du lịch tại Văng Viêng

Tiểu kết chương 1

CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững tại huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, nước CHDCND Lào.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian:* Phạm vi lãnh thổ nghiên cứu của đề tài là khu vực lãnh thổ huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn

- *Phạm vi thời gian:* Số liệu được thu thập cho giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 và số liệu điều tra thu thập năm 2019

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích tài liệu, số liệu

thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn, gồm: Nguồn dữ liệu từ các phòng chức năng của huyện Văng Viêng; Báo cáo kế hoạch phát triển KT-XH huyện Văng Viêng giai đoạn 2013-2017; Niên giám thống kê huyện và các văn bản khác có liên quan; Các nghiên cứu trong và ngoài nước về du lịch, quản lý môi trường trong phát triển du lịch từ các tạp chí chuyên ngành có uy tín, các website về du lịch và môi trường có liên quan. Ngoài ra, luận án còn kế thừa hợp lý các kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực có liên quan đến đề tài.

2.3.2. Phương pháp điều tra khảo sát thực địa

2.3.2.1. Xác định mức độ hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch huyện Văng Viêng

+ Xác định kích thước mẫu

Căn cứ vào các phương pháp chọn mẫu được tham khảo từ Hair và Bollen (1989) và Tabachnick & Fidell (1991), kết hợp với thực tiễn của nghiên cứu (với thang đo đánh giá sự hài lòng của du khách mà đề tài sử dụng, có tất cả 7 biến độc lập trong mô hình và 25 tiêu chí), nên số lượng mẫu tối thiểu theo từng cách chọn mẫu kể trên là: $7 \times 25 = 175$ mẫu (Hair và Bollen, 1989) và $n \geq 8 \times 7 + 50 = 116$ mẫu (Tabachnick & Fidell, 1991). Để đảm bảo tính đại diện cao hơn của mẫu cho tổng thể, nghiên cứu lựa chọn cỡ mẫu khảo sát là 200 phiếu. Đồng thời, để đảm bảo số phiếu thu về đạt yêu cầu, tổng số phiếu được phát ra là 210 phiếu, thu về 205 phiếu.

Do số lượng khách du lịch là rất lớn, gồm nhiều vùng miền khác nhau nên nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, điều tra khách du lịch từ 5 tuyến tham quan chính tại huyện Văng Viêng, cụ thể như sau:

- Điểm du lịch khu vực sông Nam Song: 50 người
- Khu hang động Lagoon: 50 người

- Khu bảo tồn voi Văng Viêng : 40 người
- Hang động nước Tham Nam: 40 người
- Chùa Wat Kang: 30 người

Trong đó chủ yếu là khách du lịch từ các nước ASEAN (chiếm 50%); Châu Á (chiếm 20%); Châu Âu và Bắc Mỹ (chiếm gần 20%).

Nghiên cứu tiến hành điều tra và thu thập thông tin mẫu điều tra trong 3 đợt từ 05/2019 – 08/2019, bốc ngẫu nhiên các mẫu được chọn khảo sát bằng phần mềm Excel. Qua đó, đảm bảo tính khách quan và tin cậy của dữ liệu thu thập.

+ Phương pháp điều tra

Nghiên cứu sử dụng đồng thời kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp để thu thập các dữ liệu sơ cấp thông qua các bảng hỏi đã được chuẩn bị sẵn.

2.3.2.2. Đánh giá công tác quản lý môi trường tại Văng Viêng

+ Xác định kích thước mẫu

Căn cứ vào các phương pháp chọn mẫu được tham khảo kể trên, kết hợp với thực tiễn của nghiên cứu (với thang đo đánh giá công tác quản lý môi trường mà đề tài sử dụng, có tất cả 5 biến độc lập trong mô hình và 25 tiêu chí), nên số lượng mẫu tối thiểu theo từng cách chọn mẫu kể trên là: $5 \times 25 = 125$ mẫu (Hair và Bollen, 1989) và $n \geq 8 \times 5 + 50 = 90$ mẫu (Tabachnick & Fidell, 1991). Để đảm bảo tính đại diện cao hơn của mẫu cho tổng thể, nghiên cứu lựa chọn cỡ mẫu khảo sát là 155 phiếu. Đồng thời, để đảm bảo số phiếu thu về đạt yêu cầu, tổng số phiếu được phát ra là 160 phiếu, thu về 155 phiếu.

Mẫu được chọn ngẫu nhiên đơn giản từ danh sách cơ quan, doanh nghiệp và danh sách cán bộ tham gia vào công tác quản lý môi trường và du lịch trên địa bàn đã được chuẩn bị từ trước. Nghiên cứu tiến hành điều tra và thu thập thông tin mẫu điều tra trong 3 đợt từ 05/2019 – 08/2019.

Nghiên cứu tiến hành bốc ngẫu nhiên các mẫu được chọn khảo

sát bằng phần mềm Excel. Qua đó, đảm bảo tính khách quan và tin cậy của dữ liệu thu thập.

+ Phương pháp điều tra

Nghiên cứu sử dụng đồng thời kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp để thu thập các dữ liệu sơ cấp thông qua các bảng hỏi đã được chuẩn bị sẵn.

2.3.3. Phương pháp tính sức chứa

2.3.4. Phương pháp phân tích SWOT

2.3.5. Phương pháp chuyên gia

Nhóm 1: Cán bộ quản lý cấp cao (tại Sở Du Lịch, Phòng quản lý du lịch ở các Quận, Huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường)

Hiện tại, Sở Du lịch Viêng Chăn có 4 ban ngành chính, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu với 4 chuyên viên với chuyên môn cao đại diện cho 4 ban ngành này gồm: ngành tuyên truyền và phát triển du lịch, ngành hành chính tổ chức và tập huấn du lịch, ngành kế hoạch và hợp tác du lịch, ngành quản lý kinh doanh du lịch.

Nhóm 2: Cán bộ quản lý cấp thấp (tại Ban quản lý các điểm du lịch) tại huyện Văng Viêng

Nghiên cứu chọn ra 5 tuyến tham quan tiêu biểu nhất bao gồm cả điểm du lịch sinh thái và điểm du lịch văn hóa di tích lịch sử, sau đó tiến hành phỏng vấn sâu đối với đại diện ban quản lý tại điểm du lịch đó. Cụ thể các điểm du lịch và ban quản lý đã phỏng vấn:

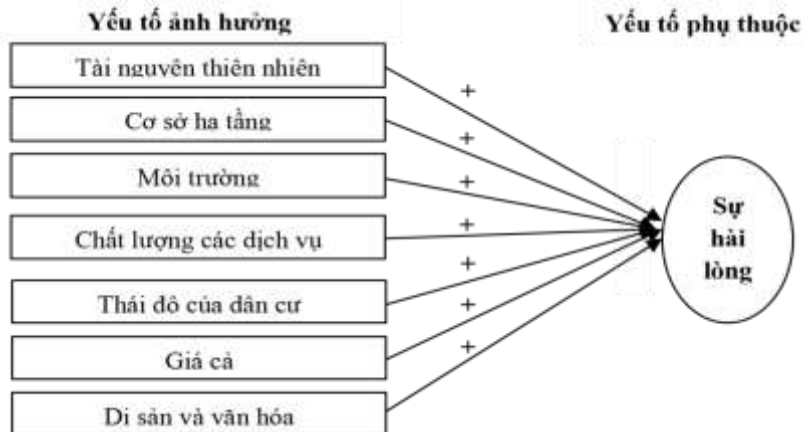
- 1) Điểm du lịch khu vực sông Nam Song
- 2) Khu hang động Lagoon
- 3) Khu bảo tồn voi Văng Viêng
- 4) Hang động nước Tham Nam
- 5) Chùa Wat Kang

Quá trình phỏng vấn sâu được thực hiện dựa trên kỹ thuật DELPHI, phỏng vấn qua 3 vòng, kết quả phỏng vấn giữa các chuyên gia sẽ được kiểm chứng lẫn nhau.

2.3.6. Phương pháp đánh giá sự hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch

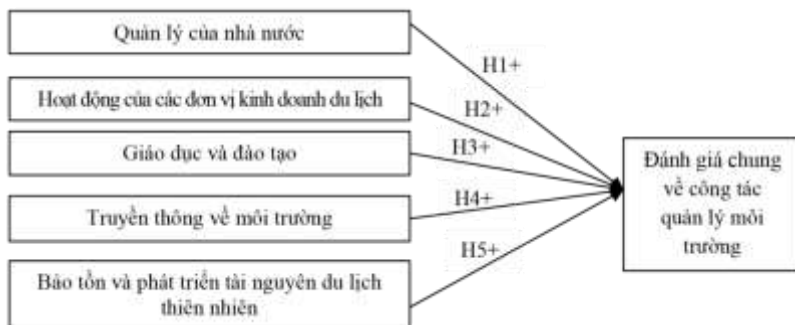
2.3.6.1. Khái quát mô hình SERVPERF và HOLSAT trong việc đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với dịch vụ du lịch

2.3.6.2. Mô hình nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của du khách đến sản phẩm du lịch ở huyện Văng Viêng



Hình 2.3: Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch

2.3.7. Xây dựng mô hình nghiên cứu và thang đo đánh giá công tác quản lý môi trường



Hình 2.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý môi trường

2.3.8. Phương pháp phân tích số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả

- Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA - Exploratory Factor Analysis)

- Phương pháp kiểm định thống kê: kiểm định T-Test...

- Phương pháp phân tích hồi quy

2.4. Khung nghiên cứu đề tài

Khung nghiên cứu đề tài luận án thể hiện cách tiếp cận và quy trình nghiên cứu từ các cơ sở lý luận và thực tiễn, hệ thống hóa và tổng hợp thành quy trình xuyên suốt cho đề tài nghiên cứu.

Từ thực trạng và kết quả công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại huyện Văng Viêng, kết hợp với việc đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố, luận án sẽ đưa ra các giải pháp đề xuất nhằm phát triển hiệu quả công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững tại huyện Văng Viêng.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã đưa ra các phương pháp nghiên cứu công tác quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng bao gồm: phương pháp thu thập và xử lý số liệu, phương pháp điều tra thực địa, phương pháp tính sức chứa, phương pháp phân tích SWOT, phương pháp chuyên gia, phương pháp đánh giá sự hài lòng của du khách đối với du lịch.

Phân tích cách thức vận dụng các phương pháp vào công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch tại huyện Văng Viêng. Cụ thể:

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu giúp nghiên cứu tổng hợp được các thông tin, số liệu về thực trạng hoạt động du lịch và quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng từ đó thống kê, từ đó đưa ra được các đánh giá chính xác và sát thực nhất

Phương pháp điều tra thực địa nhằm thống kê các số liệu điều tra thực tế để phân tích được tác động cụ thể của các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng

Phương pháp tính sức chứa giúp nghiên cứu xác định được sức chứa số lượng khách du lịch tại mỗi điểm tham quan là phù hợp nhất để tối đa hiệu quả và chất lượng của tuyến tham quan đó, đồng thời có được những giải pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

Phương pháp phân tích SWOT nhằm chỉ ra được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của thực trạng môi trường trong hoạt động du lịch hiện nay tại Văng Viêng, từ đó có các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường tại đây

Phương pháp chuyên gia giúp nghiên cứu có được cái nhìn tổng quan và chuyên môn hơn từ ý kiến của các chuyên gia về các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng

Phương pháp đánh giá sự hài lòng của du khách nhằm xác định các yếu tố nào ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách là Tài nguyên thiên nhiên, Cơ sở hạ tầng, Chất lượng dịch vụ, Thái độ dân cư, Giá cả và Di sản văn hóa. Trên cơ sở đó đánh giá được các hoạt động du lịch hiện tại đã được thực hiện tốt hay chưa, những vấn đề tồn tại nào cần khắc phục.

Phương pháp đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững. Luận án đã xác định được mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý môi trường gồm: Quản lý của nhà nước, Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch, Giáo dục và đào tạo, Truyền thống về môi trường, Bảo tồn và phát triển tài nguyên thiên nhiên, làm cơ sở để đề xuất nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá tiềm năng tài nguyên du lịch huyện Văng Viêng

3.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

3.1.2. Tài nguyên xã hội- nhân văn

3.2. Đánh giá thực trạng du lịch huyện Văng Viêng

3.2.1. Tình hình phát triển du lịch của huyện Văng Viêng

3.2.2. Đánh giá các loại hình, hoạt động du lịch ở huyện Văng Viêng

3.2.3. Phân tích SWOT thực trạng hoạt động du lịch huyện Văng Viêng

3.3. Các vấn đề môi trường trong hoạt động du lịch ở huyện Văng Viêng

3.3.1. Các vấn đề môi trường trong hoạt động du lịch ở huyện Văng Viêng

3.3.2. Các nguyên nhân chủ yếu gây ra các vấn đề môi trường

3.3.3. Thực trạng công tác quản lý môi trường

3.4. Đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với các sản phẩm du lịch tại huyện Văng Viêng

3.4.1. Sản phẩm du lịch. Văng Viêng

Bảng 3.10. Các loại hình du lịch chính mà du khách sử dụng

Loại hình du lịch	Số lượng khách tham quan	Tỉ lệ(%)
Tham quan	118	57,6%
Nghi dưỡng	35	17,1%
Thể thao	10	4,9%
Du lịch kết hợp Công vụ	5	2,4%
Du lịch mạo hiểm	7	3,4%
Du lịch sinh thái	30	14,6%
Khác	0	0,0%
Tổng cộng	205	100%

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

3.4.2. Đánh giá sự hài lòng của du khách với các sản phẩm du lịch tại Văng Viêng

Bảng 3.11. Sự hài lòng với sản phẩm du lịch chính mà du khách sử dụng

Nhận định	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tôi thực sự thích thú khi đi du lịch tại Văng Viêng	3,77	0,679
Tôi hài lòng với quyết định lựa chọn Văng Viêng làm điểm du lịch	3,75	0,669
Tôi hài lòng với quyết định lựa chọn sản phẩm du lịch tại Văng Viêng	3,71	0,614
Tôi sẽ giới thiệu với bạn bè về Văng Viêng	3,70	0,639
Mức Hài lòng nói chung	3,7698	0,53405

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

4.2.3. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách

Bảng 3.12: Kết quả hồi quy tuyến tính

Mô Hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	3,770	0,018		206,557	0,000		
Di sản văn hóa	0,112	0,018	0,209	6,107	0,000	1	1
1 Thái độ của dân cư	0,156	0,018	0,292	8,545	0,000	1	1
Gía cả	0,083	0,018	0,156	4,551	0,000	1	1
Môi trường	0,118	0,018	0,221	6,473	0,000	1	1

Cơ sở hạ tầng	0,066	0,018	0,123	3,597	0,000	1	1
Chất lượng các dịch vụ	0,211	0,018	0,395	11,531	0,000	1	1
Tài nguyên thiên nhiên	0,205	0,018	0,385	11,243	0,000	1	1

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

Mô hình hồi quy chuẩn hóa các yếu tố như sau:

$$HL=0.209DSVH + 0.292 DC + 0.156 GIA + 0.221 MT + 0.123CSHT + 0.395CLDV + 0.385TN$$

3.5. Đánh giá công tác quản lý môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn

3.5.1. Xây dựng mô hình đánh giá

3.5.1.1. Độ tuổi

3.5.1.2. Giới tính

3.5.1.3. Vị trí công tác

3.5.1.4. Trình độ chuyên môn

3.5.1.5. Thời gian công tác

3.5.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Bảng 3.15. Hệ số Cronbach Alpha của các nhóm biến quan sát

Nhóm biến	Hệ số Cronbach's Alpha	Số lượng biến
Quản lý của nhà nước (QLNN)	0,843	6
Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch (KDDL)	0,840	4
Giáo dục và đào tạo (GDĐT)	0,859	5
Tuyên truyền về môi trường (TT)	0,799	5
Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch thiên nhiên (BTPT)	0,815	5

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả)

3.5.3. Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA)

3.5.3.1. Rút trích nhân tố chính các yếu tố đánh giá của cán bộ về công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện Văng Viêng, Viêng Chăn

Bảng 3.16. Kiểm định KMO và Bartlett's Test

Kiểm định KMO và Bartlett's Test		
Hệ số KMO		0,735
Kiểm định Bartlett	Thống kê Chi bình phương	2180,814
	Bậc tự do (df)	378
	Mức ý nghĩa (Sig.)	0,000

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.3.2. Rút trích nhân tố chính biến phụ thuộc, đánh giá chung về công tác quản lý môi trường

Bảng 3.18. Kết quả phân tích nhân tố đánh giá chung về công tác quản lý môi trường

Biến Quan Sát	
Nhìn chung, công tác quản lý môi trường trên địa bàn diễn ra hiệu quả	0,797
Công tác quản lý môi trường có tác động tích cực đến hoạt động du lịch tại địa phương	0,784
Công tác quản lý môi trường tạo điều kiện tốt cho phát triển bền vững du lịch trong tương lai	0,783
Eigenvalues = 1,863	
Phương sai trích: 62,111%	

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.4. Kiểm định phân phối chuẩn

Bảng 3.19. Kết quả kiểm định phân phối chuẩn

Nhóm biến	N	Kolmogorov -Smirnov Z	Asymp. Sig. (2-tailed)
Quản lý của nhà nước (QLNN)	155	0,840	0,481
Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch (KDDL)	155	1,044	0,226
Giáo dục và đào tạo (GDĐT)	155	0,940	0,340
Tuyên truyền về môi trường (TT)	155	1,176	0,052
Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch thiên nhiên (BTPT)	155	1,067	0,205

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.5. Phân tích hồi quy đa biến

Mô hình hồi quy như sau:

$$DGC = \beta_0 + \beta_1 * QLNN + \beta_2 * KDDL + \beta_3 * GDĐT + \beta_4 * TT + \beta_5 * BTPT + e_i$$

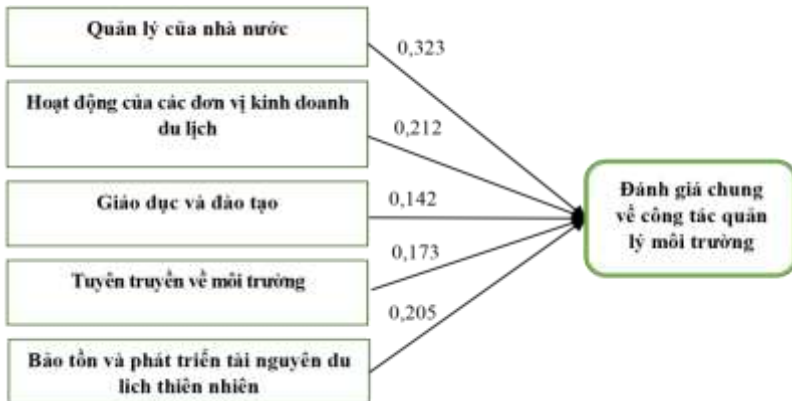
Bảng 3.23. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	t	Mức ý nghĩa	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			
1	(Hằng số)	-2,27E- 01	0,070		0,000	1,000
	Quản lý của nhà nước (QLNN)	0,323	0,070	0,173	2,467	0,015

Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch (KDDL)	0,212	0,070	0,205	2,913	0,004
Giáo dục và đào tạo (GDĐT)	0,142	0,070	0,142	2,026	0,045
Tuyên truyền về môi trường (TT)	0,173	0,070	0,323	4,601	0,000
Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch thiên nhiên (BTPT)	0,205	0,070	0,212	3,018	0,003

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

$$DGC = 0,323QLNN + 0,212KDDL + 0,142 GDĐT + 0,173TT + 0,205BPT + e_t$$



Hình 3.5. Kết quả hồi quy của mô hình các yếu tố ảnh hưởng tới đánh giá chung về công tác quản lý môi trường

3.5.6. Kiểm định One sample t-test đánh giá về công tác quản lý môi trường trong hoạt động du lịch huyện Vũng Viêng

3.5.6.1. Đánh giá của cán bộ vènhóm nhân tố Quản lý của nhà nước

One sample t-test	Trung bình	Mức ý nghĩa
<i>Quản lý của nhà nước</i>		
Các căn cứ để lập kế hoạch quản lý môi trường hiện nay là đáng tin cậy	3,7935	0,008
Quy định, hướng dẫn công tác quản lý môi trường rõ ràng	3,7161	0,001
Việc ban hành các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường được thực hiện tốt	3,6000	0,000
Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định bảo vệ môi trường diễn ra thường xuyên	3,7935	0,006
Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định bảo vệ môi trường giúp phát hiện được nhiều trường hợp vi phạm	3,7032	0,001
Việc khen thưởng, xử lý vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường là chính xác	3,5036	0,000

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.6.2. Đánh giá về nhóm nhân tố Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch

One sample t-test	Trung bình	Mức ý nghĩa
<i>Hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch</i>		
Các đơn vị kinh doanh có kế hoạch thu gom và xử lý rác thải hợp lý	3,7548	0,001
Các đơn vị kinh doanh đưa ra các quy định riêng về bảo vệ môi trường tại các điểm du lịch và khu du lịch rõ ràng và thiết thực	3,5548	0,000
Các đơn vị kinh doanh thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên	3,8000	0,007
Việc báo cáo giám sát môi trường định kỳ được thực hiện đầy đủ	3,6129	0,000

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.6.3. *Đánh giá về nhóm nhân tố Giáo dục và đào tạo*

One sample t-test	Trung bình	Mức ý nghĩa
<i>Giáo dục và đào tạo</i>		
Các khóa đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý môi trường và du lịch được tổ chức thường xuyên	3,7032	0,000
Thời gian của các khóa giáo dục và đào tạo về môi trường là hợp lý	3,9032	0,271
Chương trình giáo dục và đào tạo về môi trường là thiết thực và phù hợp với thực tế địa phương	3,6194	0,000
Địa phương áp dụng nhiều hình thức giáo dục và đào tạo khác nhau	3,8194	0,036
Các hình thức giáo dục và đào tạo là chuyên biệt và mang lại hiệu quả cho mỗi đối tượng khác nhau	3,8129	0,023

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.6.4. *Đánh giá về nhóm nhân tố Tuyên truyền về môi trường*

One sample t-test	Trung bình	Mức ý nghĩa
<i>Tuyên truyền về môi trường</i>		
Công tác tuyên truyền, vận động để bảo vệ môi trường diễn ra thường xuyên	3,8000	0,021
Công tác tuyên truyền, vận động về bảo vệ môi trường giúp nâng cao ý thức của mọi người	3,5097	0,000
Địa phương sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương	3,6065	0,000
Địa phương ứng dụng nhiều công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác quản lý môi trường	3,9032	0,284
Kinh phí để triển khai các chương trình truyền thông về môi trường là phù hợp	3,7032	0,176

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.6.5. *Đánh giá về nhóm nhân tố Bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên*

One sample t-test		
<i>Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch thiên nhiên</i>	Trung bình	Mức ý nghĩa
Danh mục các di sản được bảo tồn là đầy đủ	3,7097	0,001
Kinh phí bảo tồn tài nguyên du lịch đáp ứng đủ nhu cầu	3,6258	0,000
Chính sách xử phạt với các trường hợp xâm phạm khu vực bảo tồn là nghiêm minh, thích đáng	3,6065	0,000
Các báo cáo đánh giá về tác động của hoạt động du lịch đến hoạt động bảo tồn tài nguyên du lịch thường xuyên được thực hiện	3,4065	0,000
Các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng được quan tâm tu bổ, phục chế, nâng cấp, phát huy giá trị để phục vụ phát triển du lịch	3,5928	0,000

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả

3.5.7. Nhận xét chung về công tác quản lý môi trường tại huyện Vũng Viêng

Đặc biệt, kinh phí dành cho các hoạt động môi trường của thành phố luôn được ưu tiên ở mức cao. Nguồn thu phí bảo vệ môi trường giữ ở mức ổn định, nhận được sự đồng tình của các cấp ngành và toàn thể nhân dân trong thành phố. Cùng với đó, bộ máy cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường từ thành phố đến các địa phương cũng được kiện toàn. Các địa phương trong nội thành đều đã thành lập Phòng Tài nguyên và Môi trường và đã bố trí từ 1-2 cán bộ chuyên trách.

Từ việc tăng cường quản lý, chỉ đạo và đầu tư, công tác bảo vệ môi trường đã đạt được nhiều kết quả đáng mừng. Tỷ lệ các khu

du lịch, hệ thống khách sạn nhà nghỉ, các cơ sở kinh doanh dịch vụ được cấp nước sạch đạt trên 90%.

Ở nhiều các xã, phường, thị trấn đã hình thành nhiều tổ tự quản thu gom rác thu hút nhiều đơn vị, cá nhân tham gia. Bên cạnh đó, thành phố cũng đã di dời một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi các khu đô thị, dân cư tập trung. Đặc biệt, công tác bảo vệ, cải thiện môi trường tại các khu du lịch, các dịch vụ công cộng được tích cực triển khai, thực hiện. Việc phát triển các khu du lịch sinh thái thực hiện dựa trên những tiêu chí đảm bảo sự phát triển bền vững môi trường, cảnh quan.

3.6. Đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững du lịch ở Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào

3.6.1. Các vấn đề tồn tại về quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững ở huyện Văng Viêng

3.6.2. Những định hướng bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch bền vững ở huyện Văng Viêng đến năm 2025

3.6.3. Các giải pháp quản lý môi trường trong phát triển du lịch bền vững huyện Văng Viêng, Viêng Chăn

3.6.3.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách và luật pháp của nhà nước về quản lý môi trường

3.6.3.2. Giải pháp quản lý các đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch

3.6.3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo về quản lý và bảo vệ môi trường

3.6.3.4. Giải pháp về tuyên truyền bảo vệ môi trường

Tiểu kết chương 3

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thứ nhất, đánh giá được thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch của huyện Văng Viêng ở các khía cạnh: số lượng khách du lịch đến huyện Văng Viêng, số lượng cơ sở vật chất phục vụ du lịch ở Văng Viêng, số lượng cơ sở lưu trú ở Văng Viêng.

Thứ hai, đánh giá được mức độ phát triển du lịch bền vững các khía cạnh kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường đối với 5 tuyến tham quan tại huyện Văng Viêng.

Thứ ba, đánh giá được các vấn đề môi trường trong phát triển du lịch ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn.

Thứ tư, phân tích được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của hoạt động phát triển du lịch tại huyện Văng Viêng thông qua mô hình SWOT.

Thứ năm, phân tích được đánh giá của du khách và cán bộ đối với hoạt động du lịch và công tác quản lý môi trường tại huyện Văng Viêng.

Thứ sáu, nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp để nâng cao công tác quản lý môi trường trong phát triển bền vững du lịch ở Văng Viêng bao gồm giải pháp về chính sách quản lý, quản lý các đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo về quản lý và bảo vệ môi trường, tuyên truyền bảo vệ môi trường, Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch thiên nhiên.

2. Kiến nghị

Thứ nhất, cần thực hiện nghiêm túc luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về bảo vệ môi trường. Theo đó, trong khai thác du lịch phải luôn nhấn mạnh đến vấn đề bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái tự nhiên vốn có tại các điểm du lịch. Phải coi bảo vệ môi trường trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quy hoạch các đề án, chiến lược phát triển du lịch của tỉnh và các khu, điểm du lịch. Bên cạnh đó, cần dựng các biển báo, pa-nô, áp-phích... xung quanh các điểm du lịch để nhắc nhở và kêu gọi khách du lịch và người dân địa phương cùng chung tay bảo vệ môi trường.

Thứ hai, cần cải thiện chính sách đầu tư và kêu gọi đầu tư.

Theo đó, cần ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng tại các khu, vùng phát triển du lịch, điểm du lịch. Việc quy hoạch và đầu tư đồng bộ cần chú trọng không làm biến đổi nhiều cảnh quan thiên nhiên và môi trường. Ngoài ra, để tạo điều kiện mời gọi đầu tư thì các ban, ngành hoạt động trong lĩnh vực du lịch của huyện Văng Viêng cần chủ động phối hợp xây dựng những chính sách kêu gọi đầu tư một cách thống nhất, đơn giản.

Thứ ba, cần tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch.

Thực hiện nhiều biện pháp, sử dụng nhiều phương tiện tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về ngành kinh tế du lịch trong các cấp, các ngành và nhân dân; xây dựng và nâng cao hình ảnh của du lịch Văng Viêng trong cả nước, khu vực và thế giới, tạo điều kiện thu hút đầu tư và nguồn du khách đến Văng Viêng.

Thứ tư, cần liên kết với các địa phương khác. Kết hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh mở và xây dựng các tua về khu du lịch Văng Viêng nhằm tăng lượng khách đến du lịch địa phương. Ngoài ra, cần giới thiệu về mô hình du lịch nổi bật của địa phương nhằm nhấn mạnh yếu tố tạo nên sự khác biệt không trùng lặp với các địa phương khác. Đồng thời, cần phát huy những sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh như: du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng với các hoạt động trên đất ruộng, đất rừng... để tạo nét khác biệt so với các tỉnh, thành khác, làm cơ sở cho hoạt động liên kết tua tuyến, tạo những trải nghiệm đa dạng cho du khách.

Thứ năm, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch. Bên cạnh việc đào tạo nguồn nhân lực từ các trường, cần khuyến khích doanh nghiệp tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm nhanh chóng cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương. Bên cạnh đó, cần mở các lớp hướng dẫn người dân tại các điểm du lịch cộng đồng làm du lịch một cách có văn hóa, văn minh, lịch sự, thân thiện và mến khách.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. **Phayvanh Phanthachith**, Phạm Thị Thu Hà, Trần Văn Thụy (2020), “Đánh giá thực trạng tác động của các loại hình du lịch đến môi trường tại huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào – kinh nghiệm cho một số vùng nông thôn của Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, tập 1, số chuyên đề, 65-71.
2. **Phayvanh Phanthachith**, Phạm Thị Thu Hà, Trần Văn Thụy (2020), “Đánh giá mức độ Sự hài lòng về dịch vụ du lịch thân thiện với môi trường ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào”, *Tạp chí Tài nguyên & Môi trường*, 6(332), 46 -48.